

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình
hồ chứa nước Hồ Do, huyện Thăng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT;

Căn cứ các Quyết định: số 1623/QĐ-UBND ngày 31/5/2019; số 11854/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Hồ Do, huyện Thăng Bình; Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Hồ Do, huyện Thăng Bình; Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Hồ Do, huyện Thăng Bình;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Hồ Do, huyện Thăng Bình;

Xét Tờ trình số 42/TTr-BQL ngày 04/4/2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh kèm hồ sơ phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước

Hồ Do, huyện Thăng Bình do đơn vị tư vấn Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Thừa Thiên Huế lập;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 157/TTr-SNNMT ngày 17/4/2025 (kèm theo báo cáo kết quả thẩm định tại Công văn số 1003/SNNMT-CCTL ngày 15/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các hồ sơ liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Hồ Do thuộc dự án Hồ chứa nước Hồ Do, huyện Thăng Bình, với các nội dung sau:

1. Tên phương án: Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Hồ Do (*Chi tiết danh mục hồ chứa nước, số lượng mốc và khoảng cách mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ Công trình thủy lợi tại Phụ lục I kèm theo*).

2. Tên dự án: Hồ chứa nước Hồ Do, huyện Thăng Bình.

3. Địa điểm xây dựng: xã Bình Quế, xã Bình Phú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam (Trước đây là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam).

5. Đơn vị lập phương án cấm mốc chỉ giới: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Thừa Thiên Huế.

6. Mục đích: Cấm mốc xác định hành lang bảo vệ đập, vùng lòng hồ của hồ chứa nước Hồ Do, huyện Thăng Bình.

7. Nội dung phương án cấm mốc chỉ giới:

a) Số lượng mốc chỉ giới:

- Tổng số lượng mốc chỉ giới là 17 mốc; trong đó, phạm vi bảo vệ công trình đầu mỗi 10 mốc (từ số hiệu CTTL.08 đến số hiệu CTTL.15); phạm vi khu vực lòng hồ 7 mốc (từ số hiệu CTTL.01 đến số hiệu CTTL.07).

b) Khoảng cách mốc chỉ giới: (*Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo*)

c) Vị trí, số hiệu và tọa độ các mốc: (*Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo*)

d) Quy cách mốc:

- Mốc chỉ giới: Cột mốc bao gồm thân mốc và đế mốc:

+ Thân mốc bằng bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2 đúc sẵn, mặt cắt ngang thân mốc hình vuông, kích thước (15x15)cm, chiều cao 1m. Thân mốc nhô lên khỏi mặt đất tự nhiên 50 cm. Phần trên cùng cao 10 cm từ đỉnh cột trở xuống sơn màu đỏ, phần còn lại sơn màu trắng. Trên thân mốc có ký hiệu “CTTL” và được đánh số hiệu chi tiết CTTL.01, ..., chữ số được ghi bằng chữ in hoa đều nét, khắc chìm, tô bằng sơn đỏ;

+ Đê mốc bằng bê tông mác 200 đá 1x2 đổ tại chỗ, kích thước mặt cắt ngang (40x40)cm, mặt trên đê mốc bằng mặt đất tự nhiên, chiều sâu chôn 50cm;

e) Phương án cắm mốc:

- Phương án định vị mốc:

+ Lập lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế cao độ (hệ thống tọa độ quốc gia VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 107⁰45').

+ Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: TCVN 8224:2009: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới khống chế mặt bằng địa hình; TCVN 8225:2009: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới khống chế cao độ địa hình; TCVN 8478:2018: Thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong giai đoạn lập dự án và thiết kế.

- Phương án thi công mốc: Thân mốc được đúc sẵn tại bãi bằng phẳng và vận chuyển mốc đến vị trí cần cắm, đê mốc được thi công đổ tại chỗ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai Phương án cắm mốc chỉ giới được duyệt; tổ chức lập các hồ sơ, thủ tục liên quan; thi công cắm mốc, theo đúng Phương án cắm mốc chỉ giới được duyệt, bàn giao mốc cho UBND huyện Thăng Bình và Công ty TNHH một thành viên khai thác thủy lợi Quảng Nam.

2. UBND huyện Thăng Bình có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam để triển khai thực hiện Phương án cắm mốc, tiếp nhận bàn giao, quản lý và bảo vệ các mốc chỉ giới phạm vi công trình hồ chứa do đơn vị quản lý; ngăn chặn và kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam; Chủ tịch UBND huyện Thăng Bình; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên khai thác thủy lợi Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KT.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2025\Quyết định\04 21 phê duyệt Phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi công trình thủy lợi Ho Do.docx

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục I
KHOẢNG CÁCH MỐC CHỈ GIỚI PHẠM VI BẢO VỆ
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
CÔNG TRÌNH: HỒ CHỨA NƯỚC HỒ DO, HUYỆN THẮNG BÌNH
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ BÌNH QUẾ, XÃ BÌNH PHÚ, HUYỆN THẮNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Tên hồ chứa	Phân cấp công trình hồ chứa/đập theo QCVN 04-05:2022/BNNPTNT	Phạm vi chỉ giới bảo vệ lòng hồ từ cao trình đỉnh đập trở xuống mặt hồ nước (m)	Chiều dài phạm vi bảo vệ đập (m)	Chiều dài đường viền lòng hồ (m)	Khối lượng mốc chỉ giới (mốc)		Khoảng cách trung bình giữa các mốc (m)	
			Cao trình đỉnh đập H(m)			Đập	Lòng hồ	Đập	Lòng hồ
1	Hồ Hồ Do	II	64,55	1226	1722	10	7	120	250

Phụ lục II
SỐ HIỆU, TỌA ĐỘ MỐC CHỈ GIỚI CỦA HỒ CHỨA
CÔNG TRÌNH: HỒ CHỨA NƯỚC HỒ DO, HUYỆN THẮNG BÌNH
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: HUYỆN THẮNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh
Quảng Nam)

STT	Tên mốc	Tọa độ VN2000		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	
1	CTTL.01	1727171.83	563962.00	Lòng hồ
2	CTTL.02	1727019.98	563773.82	Lòng hồ
3	CTTL.03	1726863.24	563609.84	Lòng hồ
4	CTTL.04	1726882.87	563355.64	Lòng hồ
5	CTTL.05	1727001.32	563371.44	Lòng hồ
6	CTTL.06	1727266.77	563439.94	Lòng hồ
7	CTTL.07	1727460.03	563535.58	Lòng hồ
8	CTTL 08	1727490.42	563504.87	Đầu mối
9	CTTL 08A	1727543.38	563560.42	Đầu mối
10	CTTL 09	1727583.69	563623.72	Đầu mối
11	CTTL 10	1727587.99	563855.73	Đầu mối
12	CTTL 11	1727552.06	564015.63	Đầu mối
13	CTTL 11A	1727527.93	564122.48	Đầu mối
14	CTTL 12	1727462.54	564051.00	Đầu mối
15	CTTL 13	1727368.42	5640798.94	Đầu mối
16	CTTL 14	1727273.77	564109.13	Đầu mối
17	CTTL 15	1727167.50	564077.91	Đầu mối